SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 5781 /QĐ-TTKSBT	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm dịch vụ bảo trì thiết bị y tế, thiết bị chuyên dùng khác cho hoạt động chương trình sức khỏe năm 2026

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023, được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026 Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư 79//2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 1171/KH-TTKSBT ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Hồ Chí Minh về Chương trình giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 1577/KH –TTKSBT ngày 14 tháng 4 năm 2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Hồ Chí Minh về triển khai hoạt động chương trình tiêm chủng mở rộng năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 1627/KH-TTKSBT ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Hồ Chí Minh về Kế hoạch Chương trình phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 2474/KH-TTKSBT ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai hoạt động mua sắm dịch vụ bảo trì, hiệu chuẩn - thử nghiệm, kiểm định, sửa chữa thiết bị chuyên môn cho Chương trình sức khỏe năm 2026;

Căn cứ Phiếu đề xuất mua sắm dịch vụ bảo trì thiết bị y tế, thiết bị chuyên dùng khác cho hoạt động chương trình sức khỏe năm 2026 của Khoa Dược – Thiết bị y tế ngày 09/07/2026;

Căn cứ Phiếu đề xuất mua sắm dịch vụ bảo trì thiết bị y tế, thiết bị chuyên dùng khác cho hoạt động chương trình sức khỏe năm 2026 của Khoa Xét nghiệm ngày 27/07/2026;

Căn cứ Phiếu đề xuất mua sắm dịch vụ bảo trì thiết bị y tế, thiết bị chuyên dùng khác cho hoạt động chương trình sức khỏe năm 2026 của Khoa Phòng chống bệnh truyền nhiễm cấp tính ngày 30/07/2026;

Căn cứ Tờ trình số 25/TTr-KD-TBYT ngày 04/08/2026 của khoa Dược – TBYT về việc xin chủ trương Mua sắm dịch vụ bảo trì thiết bị y tế, thiết bị chuyên dùng khác cho hoạt động chương trình sức khỏe năm 2026;

Căn cứ Yêu cầu báo giá số: 4756/TTKSBT-TMS ngày 22/9/2026 của Tổ mua sắm về việc tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm dịch vụ bảo trì thiết bị y tế, thiết bị chuyên dùng khác cho hoạt động chương trình sức khỏe năm 2026;

Căn cứ Yêu cầu báo giá (Lần 2) số: 5141/TTKSBT-TMS ngày 05/10/2026 của Tổ mua sắm về việc tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm dịch vụ bảo trì thiết bị y tế, thiết bị chuyên dùng khác cho hoạt động chương trình sức khỏe năm 2026;

Căn cứ Tổng hợp báo giá ngày 12/10/2026 của Tổ mua sắm;

Căn cứ Quyết định số 5373/QĐ-TTKSBT ngày 14 tháng 10 năm 2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt chủ trương và dự toán mua sắm dịch vụ bảo trì thiết bị y tế, thiết bị chuyên dùng khác cho hoạt động chương trình sức khỏe năm 2026;

Theo đề nghị của Tổ mua sắm tại Tờ trình ngày 26 tháng 10 năm 2026 về việc trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm dịch vụ bảo trì thiết bị y tế, thiết bị chuyên dùng khác cho hoạt động chương trình sức khỏe năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm dịch vụ bảo trì thiết bị y tế, thiết bị chuyên dùng khác cho hoạt động chương trình sức khỏe năm 2026 với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ mua sắm và các Khoa/Phòng liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hồng Tâm

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu VT, TMS.

Phụ lục

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU DỰ TOÁN MUA SẮM:

Mua sắm dịch vụ bảo trì thiết bị y tế, thiết bị chuyên dùng khác cho hoạt động chương trình sức khỏe năm 2026

(Đính kèm Quyết định số: 5781/QĐ-TTKSBT ngày 28 / 10 /2026 của Trung Tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Hồ Chí Minh về Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm dịch vụ bảo trì thiết bị y tế, thiết bị chuyên dùng khác cho hoạt động chương trình sức khỏe năm 2026)

Stt	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	*Tóm tắt công việc chính của gói thầu*								
1	TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Mua sắm dịch vụ bảo trì thiết bị y tế, thiết bị chuyên dùng khác cho hoạt động chương trình sức khỏe năm 2026	Bảo trì thiết bị y tế, thiết bị chuyên dùng khác cho hoạt động chương trình sức khỏe năm 2026. Bao gồm 156 thiết bị (danh mục đính kèm)	222.600.000	Chương trình sức khỏe năm 2026	Chào giá trực tuyến rút gọn.	30 ngày	Tháng 10/2026	Đơn giá cố định	45 ngày	Không áp dụng
Tổng giá gói thầu *[kết chuyển sang **Bảng số 5**]*				**222.600.000 đồng** *(Bằng chữ: Hai trăm hai mươi hai triệu sáu trăm ngàn đồng)*							

DANH MỤC

Mua sắm dịch vụ bảo trì thiết bị y tế, thiết bị chuyên dùng khác cho hoạt động chương trình sức khỏe năm 2026

(Đính kèm Quyết định số: 5781 /QĐ-TTKSBT ngày 28 / 10 /2026 của Trung Tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Hồ Chí Minh về Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm dịch vụ bảo trì thiết bị y tế, thiết bị chuyên dùng khác cho hoạt động chương trình sức khỏe năm 2026)

STT	Mã tài sản	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị	Thông số thực hiện bảo trì	Số lần thực hiện	Khoa/Bộ phận sử dụng	Địa điểm thực hiện dự kiến (*)	Nguồn kinh phí chương trình
1	Chưa có mã TSCĐ	Máy ly tâm Hettich 320 R	Cái	1	Vệ sinh thiết bị và kiểm tra tốc độ quay ly tâm.	1	XN- MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
2	TS00474	Tủ âm Sanyo MDF136	Cái	1	hệ thống làm lạnh, hệ thống điện	1	XN- MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
3	TS00115	Tủ âm Sanyo MDF U281AT	Cái	1	hệ thống làm lạnh, hệ thống điện	1	XN- MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
4	TS00163	Tủ âm Sanyo MDF-U5411	Cái	1	hệ thống làm lạnh, hệ thống điện	1	XN- MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
5	TS00338	Tủ âm Sanyo MDF-U5411	Cái	1	hệ thống làm lạnh, hệ thống điện	1	XN- MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
6	TS00083	Tủ mát Facis	Cái	1	hệ thống làm lạnh, hệ thống điện	1	XN- MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
7	TS00162	Tủ an toàn sinh học BIO - II A	Cái	1	- Kiểm tra tốc độ gió. - Cường độ ánh sáng. - Cường độ đèn UV. - Hiệu suất màng lọc.	1	XN- MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
8	TS00690	Tủ âm Sanyo MDF - U333	Cái	1	hệ thống làm lạnh, hệ thống điện	1	XN- MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
9	TS00165	Tủ mát Sanyo MPR - 214 F	Cái	1	hệ thống làm lạnh, hệ thống điện	1	XN- MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
10	Chưa có mã TSCĐ	Máy ly tâm lạnh Hettich 320R	Cái	1	- Vệ sinh thiết bị và kiểm tra tốc độ quay ly tâm. - Kiểm tra bộ phận làm lạnh Kiểm tra bộ phận điều khiển	1	XN- MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
11	TS00216	Tủ âm Sanyo MDF-U537	Cái	1	hệ thống làm lạnh, hệ thống điện	1	XN- MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
12	TS00051	Máy ly tâm Jouan	Cái	1	- Vệ sinh thiết bị và kiểm tra tốc độ quay ly tâm.	1	XN- MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm

STT	Mã tài sản	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị	Thông số thực hiện bảo trì	Số lần thực hiện	Khoa/Bộ phận sử dụng	Địa điểm thực hiện dự kiến (*)	Nguồn kinh phí chương trình
13	TS02232	Máy Tách chiết KINGFISHER FLEX	Cái	1	Kiểm tra hệ thống điện Kiểm tra hệ thống có Kiểm tra hệ thống điều khiển	1	XN- MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
14	TS02302	Tủ an toàn sinh học AlabTech 2	Cái	1	- Kiểm tra tốc độ gió. - Cường độ ánh sáng. - Cường độ đèn UV. - Hiệu suất màng lọc.	1	XN- MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
15	TS02303	Tủ an toàn sinh học AlabTech 3	Cái	1	- Kiểm tra tốc độ gió. - Cường độ ánh sáng. - Cường độ đèn UV. - Hiệu suất màng lọc.	1	XN- MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
16	TS02304	Tủ an toàn sinh học AlabTech 4	Cái	1	- Kiểm tra tốc độ gió. - Cường độ ánh sáng. - Cường độ đèn UV. - Hiệu suất màng lọc.	1	XN- MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
17	TS02305	Tủ An Toàn Sinh Học Kewaunee	Cái	1	- Kiểm tra tốc độ gió. - Cường độ ánh sáng. - Cường độ đèn UV. - Hiệu suất màng lọc.	1	Khoa Xét Nghiệm - Bộ phận MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
18	TS02311	Tủ âm Hairer DW-40L380	Cái	1	hệ thống làm lạnh, hệ thống điện	1	XN- MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
19	TS00168	Tủ âm sâu AZBIL TELSTAR	Cái	1	hệ thống làm lạnh, hệ thống điện	1	XN- MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
20	TS02313	Tủ âm sâu AZBIL TELSTAR	Cái	1	hệ thống làm lạnh, hệ thống điện	1	XN- MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
21	TS02420	Tủ mát Thermo TSX2305GV	Cái	1	hệ thống làm lạnh, hệ thống điện	1	XN- MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
22	TS02421	Tủ mát Thermo TSX2305GV	Cái	1	hệ thống làm lạnh, hệ thống điện	1	XN- MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
23	TS02416	Tủ âm sâu Thermo TSX70086V	Cái	1	hệ thống làm lạnh, hệ thống điện	1	XN- MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
24	TS02416	Tủ âm sâu Thermo TSX70086V	Cái	1	hệ thống làm lạnh, hệ thống điện	1	XN- MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
25	TS02336	Tủ âm sâu Thermo TSX70086V	Cái	1	hệ thống làm lạnh, hệ thống điện	1	XN- MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
26	TS02414	Tủ âm Thermo TSX2330FV	Cái	1	hệ thống làm lạnh, hệ thống điện	1	XN- MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm

STT	Mã tài sản	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị	Thông số thực hiện bảo trì	Số lần thực hiện	Khoa/Bộ phận sử dụng	Địa điểm thực hiện dự kiến (*)	Nguồn kinh phí chương trình
27	TS02415	Tủ âm Thermo FDE40040FV	Cái	1	hệ thống làm lạnh, hệ thống điện	1	XN- MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
28	TS02413	Tủ âm sâu Thermo TSX70086V	Cái	1	hệ thống làm lạnh, hệ thống điện	1	XN- MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
29	TS02412	Tủ âm sâu Thermo TSX70086V	Cái	1	hệ thống làm lạnh, hệ thống điện	1	XN- MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
30	CCDC	Tủ mát Panasonic	Cái	1	hệ thống làm lạnh, hệ thống điện	1	XN- MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
31	Chưa có mã TSCĐ	Tủ an toàn sinh học GELMAN	Cái	1	- Kiểm tra tốc độ gió. - Cường độ ánh sáng. - Cường độ đèn UV. - Hiệu suất màng lọc.	1	XN- MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
32	Chưa có mã TSCĐ	Tủ an toàn sinh học Telstart	Cái	1	- Kiểm tra tốc độ gió. - Cường độ ánh sáng. - Cường độ đèn UV. - Hiệu suất màng lọc.	1	XN- MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
33	TS02318	Tủ Mát Sanaky	Cái	1	hệ thống làm lạnh, hệ thống điện	1	XN- MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
34	CCDC	Tủ mát Sanaky	Cái	1	hệ thống làm lạnh, hệ thống điện	1	XN- MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
35	TS00280	Máy ly tâm Mikro 22	Cái	1	- Vệ sinh thiết bị và kiểm tra tốc độ quay ly tâm.	1	XN- MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
36	Chưa có mã TSCĐ	Máy ly tâm lạnh Hermle	Cái	1	- Vệ sinh thiết bị và kiểm tra tốc độ quay ly tâm.	1	XN- MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
37	TS02317	Tủ lạnh Sanaky	Cái	1	hệ thống làm lạnh, hệ thống điện	1	XN- MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
38	CCDC	Tủ lạnh Sanaky	Cái	1	hệ thống làm lạnh, hệ thống điện	1	XN- MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
39	Chưa có mã TSCĐ	Tủ an toàn sinh học ESCO 2	Cái	1	- Kiểm tra tốc độ gió. - Cường độ ánh sáng. - Cường độ đèn UV. - Hiệu suất màng lọc.	1	XN- MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
40	CCDC	Tủ mát Sanaky	Cái	1	hệ thống làm lạnh, hệ thống điện	1	XN- MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
41	Chưa có mã TSCĐ	Buồng thao tác PCR	Cái	1	- Kiểm tra tốc độ gió. - Cường độ ánh sáng. - Cường độ đèn UV. - Hiệu suất màng lọc.	1	XN- MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm

STT	Mã tài sản	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị	Thông số thực hiện bảo trì	Số lần thực hiện	Khoa/Bộ phận sử dụng	Địa điểm thực hiện dự kiến (*)	Nguồn kinh phí chương trình
42	CCDC	Tủ mát Sharp 1	Cái	1	hệ thống làm lạnh, hệ thống điện	1	XN- MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
43	CCDC	Tủ mát Sharp 2	Cái	1	hệ thống làm lạnh, hệ thống điện	1	XN- MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
44	Chưa có mã TSCĐ	Máy ly tâm Eppendorf	Cái	1	- Vệ sinh thiết bị và kiểm tra tốc độ quay ly tâm.	1	XN- MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
45	Chưa có mã TSCĐ	Tủ lạnh âm sâu Operon	Cái	1	hệ thống làm lạnh, hệ thống điện	1	XN- MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
46	Chưa có mã TSCĐ	Máy hấp khử trùng ALP	Cái	1	- Vệ sinh buồng hấp, bộ lọc, gioăng của nồi hấp. - Kiểm tra nhiệt độ, áp suất, thời gian và độ đồng đều nhiệt độ giữa các khu vực bên trong nồi.	1	XN- MD-SHPT - KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
47	TS01153	Kính Hiển Vi Nikon	Cái	1	- Vệ sinh, bảo dưỡng các hệ thống quang học	1	XN -KSTCT-KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
48	TS01154	Kính Hiển Vi Nikon	Cái	1	- Vệ sinh, bảo dưỡng các hệ thống quang học	1	XN -KSTCT-KV1	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
49	TS00108	Hệ thống lọc vi sinh	Cái	1	- Kiểm tra áp lực hút chân không. - Kiểm tra thể tích cột nước.	1	XN -KSTCT-KV1	cơ sở 2	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
50	CCDC	Bếp cách thủy	Cái	1	- Kiểm tra độ ổn định nhiệt độ. - Độ đồng đều của nhiệt độ trong bể.	1	XN -KSTCT-KV1	cơ sở 2	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
51	TS01742	Hệ thống lọc vi sinh	Cái	1	- Kiểm tra áp lực hút chân không. - Kiểm tra thể tích cột nước.	1	XN -KSTCT-KV1	cơ sở 2	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
52	TS00159	Tủ ấm	Cái	1	- Kiểm tra độ ổn định và phân bố nhiệt độ giữa các khu vực trong tủ.	1	XN -KSTCT-KV1	cơ sở 2	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
53	TS00391	Tủ ấm lạnh	Cái	1	- Kiểm tra độ ổn định và phân bố nhiệt độ giữa các khu vực trong tủ.	1	XN -KSTCT-KV1	cơ sở 2	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường

STT	Mã tài sản	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị	Thông số thực hiện bảo trì	Số lần thực hiện	Khoa/Bộ phận sử dụng	Địa điểm thực hiện dự kiến (*)	Nguồn kinh phí chương trình
54	TS00160	Tủ ấm	Cái	1	- Kiểm tra độ ổn định và phân bố nhiệt độ giữa các khu vực trong tủ.	1	XN -KSTCT-KV1	cơ sở 2	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
55	TS01307	Tủ an toàn sinh học	Cái	1	- Kiểm tra tốc độ gió. - Cường độ ánh sáng. - Cường độ đèn UV. - Hiệu suất màng lọc.	1	XN -KSTCT-KV1	cơ sở 2	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
56	CCDC	Máy trộn mẫu	Cái	1	Kiểm tra máy, Vệ sinh, bảo dưỡng	1	XN -KSTCT-KV1	cơ sở 2	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
57	TS00271	Buồng UV soi vi khuẩn	Cái	1	- Vệ sinh, bảo dưỡng buồng chiếu và đèn	1	XN -KSTCT-KV1	cơ sở 2	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
58	TS01504	Tủ sấy	Cái	1	- Kiểm tra độ ổn định nhiệt độ (độ lặp lại); - Sự chênh lệch nhiệt độ của các khu vực bên trong tủ	1	XN -KSTCT-KV1	cơ sở 2	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
59	CCDC	Lò vi sóng	Cái	1	- Vệ sinh các bộ phận như khoang lò, cửa kính, mặt điều khiển, và bên ngoài lò; kiểm tra hoạt động của các chức năng như công suất, hẹn giờ, đèn báo	1	XN -KSTCT-KV1	cơ sở 2	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
60	CCDC	Lò vi sóng	Cái	1	- Vệ sinh các bộ phận như khoang lò, cửa kính, mặt điều khiển, và bên ngoài lò; kiểm tra hoạt động của các chức năng như công suất, hẹn giờ, đèn báo	1	XN -KSTCT-KV1	cơ sở 2	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
61	TS01135	Tủ an toàn sinh học	Cái	1	- Kiểm tra tốc độ gió. - Cường độ ánh sáng. - Cường độ đèn UV. - Hiệu suất màng lọc.	1	XN -KSTCT-KV1	cơ sở 2	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
62	TS00112	Nồi hấp tiệt trùng	Cái	1	- Vệ sinh buồng hấp, bộ lọc, gioăng của nồi hấp. - Kiểm tra nhiệt độ, áp suất, thời gian và độ đồng đều nhiệt độ giữa các khu	1	XN -KSTCT-KV1	cơ sở 2	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường

STT	Mã tài sản	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị	Thông số thực hiện bảo trì	Số lần thực hiện	Khoa/Bộ phận sử dụng	Địa điểm thực hiện dự kiến (*)	Nguồn kinh phí chương trình
63	TS01316	Nồi hấp tiệt trùng	Cái	1	- Vệ sinh buồng hấp, bộ lọc, gioăng của nồi hấp. - Kiểm tra nhiệt độ, áp suất, thời gian và độ đồng đều nhiệt độ giữa các khu	1	XN -KSTCT-KV1	cơ sở 2	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
64	TS01505	Máy cất nước 2 lần	Cái	1	- Vệ sinh hệ thống bằng acid loãng. - Kiểm tra chất lượng nước đầu ra (pH, độ dẫn điện).	1	XN -KSTCT-KV1	cơ sở 2	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
65	TS00181	Tủ sấy	Cái	1	- Kiểm tra độ ổn định nhiệt độ (độ lặp lại); - Sự chênh lệch nhiệt độ của các khu vực bên trong tủ	1	XN -KSTCT-KV1	cơ sở 2	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
66	TS00179	Tủ sấy	Cái	1	- Kiểm tra độ ổn định nhiệt độ (độ lặp lại); - Sự chênh lệch nhiệt độ của các khu vực bên trong tủ	1	XN -KSTCT-KV1	cơ sở 2	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
67	TS00014	Tủ sấy	Cái	1	- Kiểm tra độ ổn định nhiệt độ (độ lặp lại); - Sự chênh lệch nhiệt độ của các khu vực bên trong tủ	1	XN -KSTCT-KV1	cơ sở 2	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
68	TS01486	Nồi hấp tiệt trùng	Cái	1	- Vệ sinh buồng hấp, bộ lọc, gioăng của nồi hấp. - Kiểm tra nhiệt độ, áp suất, thời gian và độ đồng đều nhiệt độ giữa các khu	1	XN -KSTCT-KV1	cơ sở 2	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
69	TS00392	Hệ thống lọc vi sinh	Cái	1	- Kiểm tra áp lực hút chân không. - Kiểm tra thể tích cột nước.	1	XN -KSTCT-KV1	cơ sở 2	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
70	TS02096	Tủ an toàn sinh học	Cái	1	- Kiểm tra tốc độ gió. - Cường độ ánh sáng. - Cường độ đèn UV. - Hiệu suất màng lọc.	1	XN -KSTCT-KV1	cơ sở 2	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
71	TS00167	Tủ sấy	Cái	1	- Kiểm tra độ ổn định nhiệt độ (độ lặp lại); - Sự chênh lệch nhiệt độ của các khu vực bên trong tủ	1	XN -KSTCT-KV1	cơ sở 2	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường

STT	Mã tài sản	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị	Thông số thực hiện bảo trì	Số lần thực hiện	Khoa/Bộ phận sử dụng	Địa điểm thực hiện dự kiến (*)	Nguồn kinh phí chương trình
72	TS01493	Tủ ấm	Cái	1	- Kiểm tra độ ổn định và phân bố nhiệt độ giữa các khu vực trong tủ.	1	XN -KSTCT-KV1	cơ sở 2	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
73	TS01500	Tủ ấm	Cái	1	- Kiểm tra độ ổn định và phân bố nhiệt độ giữa các khu vực trong tủ.	1	XN -KSTCT-KV1	cơ sở 2	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
74	TS01501	Tủ ấm	Cái	1	- Kiểm tra độ ổn định và phân bố nhiệt độ giữa các khu vực trong tủ.	1	XN -KSTCT-KV1	cơ sở 2	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
75	TS01502	Tủ ấm	Cái	1	- Kiểm tra độ ổn định và phân bố nhiệt độ giữa các khu vực trong tủ.	1	XN -KSTCT-KV1	cơ sở 2	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
76	TS01513	Máy quang phổ UV-VIS	Cái	1	- Độ chính xác dãy bước sóng 190 - 1100 nm; - Độ chính xác hấp thu vùng UV, vùng ánh sáng nhìn thấy được (VIS)	1	XN - HL- KV1	cơ sở 3	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
77	TS00797	Cân phân tích 4 số lẻ	Cái	1	- Kiểm tra độ lặp lại cho điểm đo thường sử dụng - Kiểm tra độ lặp lại ở các dãi đo	1	XN - HL- KV1	cơ sở 3	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
78	TS00792	Cân Kĩ thuật 3 số lẻ	Cái	1	- Kiểm tra độ lặp lại cho điểm đo thường sử dụng - Kiểm tra độ lặp lại ở các dãi đo	1	XN - HL- KV1	cơ sở 3	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
79	TS00781	Máy cất nước 2 lần	Cái	1	-Vệ sinh hệ thống bằng acid loãng; -Kiểm tra chất lượng nước đầu ra (pH, độ dẫn điện).	1	XN - HL- KV1	cơ sở 3	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
80	TS01514	Máy lọc nước siêu sạch	Cái	1	-Kiểm tra các cột lọc. -Kiểm tra chất lượng nước đầu ra (pH, độ dẫn điện).	1	XN - HL- KV1	cơ sở 3	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường

STT	Mã tài sản	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị	Thông số thực hiện bảo trì	Số lần thực hiện	Khoa/Bộ phận sử dụng	Địa điểm thực hiện dự kiến (*)	Nguồn kinh phí chương trình
81	TS02320	Máy cất nước 2 lần	Cái	1	-Vệ sinh hệ thống bằng acid loãng; -Kiểm tra chất lượng nước đầu ra (pH, độ dẫn điện).	1	XN - HL- KV1	cơ sở 3	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
82	TS01508	Máy cất đạm	Cái	1	- Kiểm tra các chức năng của hệ thống và hoạt động của phần mềm; - Vệ sinh toàn bộ thiết bị; - Kiểm tra hiệu suất thu hồi của thiết	1	XN - HL- KV1	cơ sở 3	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
83	TS01487	Tủ hút khí độc	Cái	1	- Kiểm tra quạt hút (tốc độ gió), màng lọc.	1	XN - HL- KV1	cơ sở 3	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
84	TS01315	Tủ hút khí độc	Cái	1	- Kiểm tra quạt hút (tốc độ gió), màng lọc.	1	XN - HL- KV1	cơ sở 3	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
85	TS00026	Tủ lạnh	Cái	1	- Kiểm tra độ ổn định nhiệt độ - Vệ sinh khu vực bên trong tủ	1	XN - HL- KV1	cơ sở 3	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
86	TS00585	Bếp cách thủy 4 chỗ	Cái	1	- Kiểm tra độ ổn định nhiệt độ - Sự chênh lệch nhiệt độ của các khu vực bên trong bếp - Vệ sinh khu vực bên ngoài và bên	1	XN - HL- KV1	cơ sở 3	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
87	TS02320	Bếp cách thủy 6 chỗ	Cái	1	- Kiểm tra độ ổn định nhiệt độ - Sự chênh lệch nhiệt độ của các khu vực bên trong bếp - Vệ sinh khu vực bên ngoài và bên	1	XN - HL- KV1	cơ sở 3	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
88	TS01169	Bếp cách thủy 6 chỗ	Cái	1	- Kiểm tra độ ổn định nhiệt độ - Sự chênh lệch nhiệt độ của các khu vực bên trong bếp - Vệ sinh khu vực bên ngoài và bên	1	XN - HL- KV1	cơ sở 3	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
89	TS01503	Tủ sấy	Cái	1	- Kiểm tra độ ổn định nhiệt độ (độ lặp lại). - Sự chênh lệch nhiệt độ của các khu vực bên trong tủ.	1	XN - HL- KV1	cơ sở 3	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường

STT	Mã tài sản	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị	Thông số thực hiện bảo trì	Số lần thực hiện	Khoa/Bộ phận sử dụng	Địa điểm thực hiện dự kiến (*)	Nguồn kinh phí chương trình
90	TS00795	Tủ sấy	Cái	1	- Kiểm tra độ ổn định nhiệt độ (độ lặp lại). - Sự chênh lệch nhiệt độ của các khu vực bên trong tủ.	1	XN - HL- KV1	cơ sở 3	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
91	TS00477	Tủ lạnh	Cái	1	- Kiểm tra độ ổn định nhiệt độ - Vệ sinh khu vực bên trong tủ	1	XN - HL- KV1	cơ sở 3	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
92	TS01312	Tủ mát	Cái	1	- Kiểm tra độ ổn định nhiệt độ - Vệ sinh khu vực bên trong tủ	1	XN - HL- KV1	cơ sở 3	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
93	TS00513	Máy cất nước hai lần	Cái	1	-Vệ sinh hệ thống bằng acid loãng; -Kiểm tra chất lượng nước đầu ra (pH, độ dẫn điện).	1	XN - HL- KV3	cơ sở 6	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
94	TS004566	Máy lọc nước siêu sạch	Cái	1	-Kiểm tra các cột lọc. -Kiểm tra chất lượng nước đầu ra (pH, độ dẫn điện).	1	XN - HL- KV3	cơ sở 6	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
95	TS00511	Máy lọc nước siêu sạch	Cái	1	-Kiểm tra các cột lọc. -Kiểm tra chất lượng nước đầu ra (pH, độ dẫn điện).	1	XN - HL- KV3	cơ sở 6	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
96	TS01827	Tủ hút khí độc	Cái	1	- Kiểm tra quạt hút (tốc độ gió), màng lọc.	1	XN - HL- KV3	cơ sở 6	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
97	TS00352	Cân phân tích	Cái	1	- Kiểm tra độ lặp lại cho điểm đo thường sử dụng - Kiểm tra độ lặp lại ở các dãi đo	1	XN - HL- KV3	cơ sở 6	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
98	TS00510	Cân phân tích	Cái	1	- Kiểm tra độ lặp lại cho điểm đo thường sử dụng - Kiểm tra độ lặp lại ở các dãi đo	1	XN - HL- KV3	cơ sở 6	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường

STT	Mã tài sản	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị	Thông số thực hiện bảo trì	Số lần thực hiện	Khoa/Bộ phận sử dụng	Địa điểm thực hiện dự kiến (*)	Nguồn kinh phí chương trình
99	TS00078	Máy quang phổ tử ngoại khả kiến	Cái	1	- Độ chính xác dãy bước sóng 190 - 1100 nm; - Độ chính xác hấp thu vùng UV, vùng ánh sáng nhìn thấy được (VIS)	1	XN - HL- KV3	cơ sở 6	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
100	TS01574	Máy quang phổ tử ngoại khả kiến	Cái	1	- Độ chính xác dãy bước sóng 190 - 1100 nm; - Độ chính xác hấp thu vùng UV, vùng ánh sáng nhìn thấy được (VIS)	1	XN - HL- KV3	cơ sở 6	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
101	TS01581	Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử	Cái	1	Kiểm tra bên ngoài và bên trong: Vệ Sinh thiết bị Kiểm tra khoang làm việc; vệ sinh khoang làm việc, các khay trong khoang Kiểm tra, vệ sinh hệ thống phân tích kỹ thuật ngọn lửa Kiểm tra, vệ sinh hệ thống phân tích kỹ thuật lò Graphite Kiểm tra, vệ sinh hệ thống phân tích kỹ thuật lò hóa hơi (Hydrite technic) Kiểm tra độ chụm, độ nhạy, tuyến tính.	1	XN - HL- KV3	cơ sở 6	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
102	TS00126	Máy sắc ký lỏng cao áp	Cái	1	Kiểm tra bên ngoài và bên trong: Vệ Sinh thiết bị Kiểm tra nhiễu nền và độ trôi đường nền Kiểm tra độ đúng và độ lặp lại tốc độ dòng Kiểm tra độ đúng của bước sóng Kiểm tra lặp lại và tuyến tính của hệ thống	1	XN - HL- KV3	cơ sở 6	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
103	TS00533	Bếp cách thủy	Cái	1	- Kiểm tra độ ổn định nhiệt độ - Sự chênh lệch nhiệt độ của các khu vực bên trong bếp - Vệ sinh khu vực bên ngoài và bên trong bếp	1	XN - HL- KV3	cơ sở 6	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường

STT	Mã tài sản	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị	Thông số thực hiện bảo trì	Số lần thực hiện	Khoa/Bộ phận sử dụng	Địa điểm thực hiện dự kiến (*)	Nguồn kinh phí chương trình
104	TS00368	Tủ sấy	Cái	1	- Kiểm tra độ ổn định nhiệt độ (độ lặp lại). - Sự chênh lệch nhiệt độ của các khu vực bên trong tủ.	1	XN - HL- KV3	cơ sở 6	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
105	TS01601	Lò vi sóng	Cái	2	Vệ sinh thiết bị Kiểm tra độ ổn định nhiệt độ Kiểm tra áp suất lò	1	XN - HL- KV3	cơ sở 6	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
106	CCDC	Tủ lạnh	Cái	3	- Kiểm tra độ ổn định nhiệt độ - Vệ sinh khu vực bên trong tủ	1	XN - HL- KV3	cơ sở 6	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
107	CCDC	Tủ lạnh	Cái	4	- Kiểm tra độ ổn định nhiệt độ - Vệ sinh khu vực bên trong tủ	1	XN - HL- KV3	cơ sở 6	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
108	CCDC	Tủ lạnh	Cái	5	- Kiểm tra độ ổn định nhiệt độ - Vệ sinh khu vực bên trong tủ	1	XN - HL- KV3	cơ sở 6	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
109	TS01574	Tủ lạnh	Cái	6	- Kiểm tra độ ổn định nhiệt độ - Vệ sinh khu vực bên trong tủ	1	XN - HL- KV3	cơ sở 6	Giám sát chất lượng nguồn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và vệ sinh môi trường
110	Chưa có mã TSCĐ	Máy tách chiết PSS (Maglead 12GC)	Cái	1	Vệ sinh máy, kiểm tra độ ổn định của máy, khả năng hút mẫu tại thể tích 500, 250, 60µl; Kiểm tra đầu kim	1	XN- MD-SHPT KV3	cơ sở 6	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
111	TS02285	Máy tách chiết tự động Sentosa	Cái	1	Vệ sinh máy, kiểm tra độ ổn định của máy, khả năng hút mẫu tại thể tích 500, 250, 60µl; Kiểm tra đầu kim	1	XN- MD-SHPT KV3	cơ sở 6	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
112	CCDC	Máy ly tâm Dlab (24 ống)	Cái	1	- Vệ sinh thiết bị và kiểm tra tốc độ quay ly tâm.	1	XN- MD-SHPT KV3	cơ sở 6	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm

STT	Mã tài sản	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị	Thông số thực hiện bảo trì	Số lần thực hiện	Khoa/Bộ phận sử dụng	Địa điểm thực hiện dự kiến (*)	Nguồn kinh phí chương trình
113	TS01376	Tủ ATSH cấp II 1300 Series Thermo A2	Cái	1	-Vệ sinh bên ngoài và bên trong tủ -Vệ sinh ngõ thoát khí - Kiểm tra phím thao tác - Kiểm tra tốc độ gió. - Cường độ ánh sáng. - Cường độ đèn UV. - Hiệu suất màng lọc. - Kiểm tra rò rỉ điện	1	XN- MD-SHPT KV3	cơ sở 6	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
114	TS01595	Tủ ATSH cấp II Esco	Cái	1	-Vệ sinh bên ngoài và bên trong tủ -Vệ sinh ngõ thoát khí - Kiểm tra phím thao tác - Kiểm tra tốc độ gió. - Cường độ ánh sáng. - Cường độ đèn UV. - Hiệu suất màng lọc. - Kiểm tra rò rỉ điện	1	XN- MD-SHPT KV3	cơ sở 6	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
115	TS00101	Tủ An toàn sinh học cấp II Sanyo	Cái	1	-Vệ sinh bên ngoài và bên trong tủ -Vệ sinh ngõ thoát khí - Kiểm tra phím thao tác - Kiểm tra tốc độ gió. - Cường độ ánh sáng. - Cường độ đèn UV. - Hiệu suất màng lọc. - Kiểm tra rò rỉ điện	1	XN- MD-SHPT KV3	cơ sở 6	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
116	TS01599	TỦ ÂM 20 FIOCCHETTI	Cái	1	-Vệ sinh bên ngoài tủ - Xả đá Vệ sinh bên trong tủ - Vệ sinh hệ thống quạt và dàn tản nhiệt - Kiểm tra điện, hệ thống bơm ga - Kiểm tra độ ổn định nhiệt độ.	1	XN- MD-SHPT KV3	cơ sở 6	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm

STT	Mã tài sản	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị	Thông số thực hiện bảo trì	Số lần thực hiện	Khoa/Bộ phận sử dụng	Địa điểm thực hiện dự kiến (*)	Nguồn kinh phí chương trình
117	TS00314	Tủ - 80 độ C AS	Cái	1	-Vệ sinh bên ngoài tủ - Xả đá Vệ sinh bên trong tủ - Vệ sinh hệ thống quạt và dàn tản nhiệt - Kiểm tra điện, hệ thống bơm ga - Kiểm tra độ ổn định nhiệt độ.	1	XN- MD-SHPT KV3	cơ sở 6	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
118	TS00455	Tủ - 20 độ C Fiochetti	Cái	1	-Vệ sinh bên ngoài tủ - Xả đá Vệ sinh bên trong tủ - Vệ sinh hệ thống quạt và dàn tản nhiệt - Kiểm tra điện, hệ thống bơm ga - Kiểm tra độ ổn định nhiệt độ.	1	XN- MD-SHPT KV3	cơ sở 6	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
119	CCDC	Tủ lạnh 339L Hitachi	Cái	1	-Vệ sinh bên ngoài tủ - Xả đá Vệ sinh bên trong tủ - Vệ sinh hệ thống quạt và dàn tản nhiệt - Kiểm tra điện, hệ thống bơm ga - Kiểm tra độ ổn định nhiệt độ.	1	XN- MD-SHPT KV3	cơ sở 6	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
120	TS01390	Máy ủ Star Fax 2200	Cái	1	Vệ sinh máy, kiểm tra nhiệt độ, độ ẩm	1	XN- MD-SHPT KV3	cơ sở 6	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
121	TS01390	Máy Rửa STAT FAX 2600	Cái	1	Vệ sinh máy, kiểm tra dòng chảy	1	XN- MD-SHPT KV3	cơ sở 6	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
122	TS01390	Máy đọc Chromate 4300	Cái	1	Vệ sinh máy, kiểm tra kính lọc	1	XN- MD-SHPT KV3	cơ sở 6	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
123	CCDC	Tủ lạnh bảo quản sinh phẩm 2 - 8 độ C	Cái	1	Bảo trì hệ thống làm lạnh, môi chất lạnh, seal của tủ, vệ sinh bên ngoài và trong.	1	XN - KV2	cơ sở 9	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
124	CCDC	Tủ lạnh bảo quản sinh phẩm 2 - 8 độ C	Cái	1	Bảo trì hệ thống làm lạnh, môi chất lạnh, seal của tủ, vệ sinh bên ngoài và trong.	1	XN - KV2	cơ sở 9	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
125	Chưa có mã TSCĐ	Tủ lạnh âm sâu (-30 độ C)	Cái	1	Bảo trì hệ thống làm lạnh, môi chất lạnh, seal của tủ, vệ sinh bên ngoài và trong.	1	XN - KV2	cơ sở 9	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
126	TS02133	Máy rửa Immuno wash 1575	Cái	1	Vệ sinh, kiểm tra hoạt động	1	XN - KV2	cơ sở 9	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm

STT	Mã tài sản	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị	Thông số thực hiện bảo trì	Số lần thực hiện	Khoa/Bộ phận sử dụng	Địa điểm thực hiện dự kiến (*)	Nguồn kinh phí chương trình
127	TS00222	Máy ly tâm thường	Cái	1	Bảo trì vệ sinh, kiểm tả trục quay, an toàn điện	1	XN - KV2	cơ sở 9	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
128	TS00839	Kính hiển vi (SN: 0A80074)	Cái	1	- Kiểm tra độ sáng, kiểm tra trơn tru của vít chỉnh tiêu, bàn sa mẫu, trục quay. - So sánh với thước chuẩn	1	XN - KV2	cơ sở 9	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
129	TS02132	Kính hiển vi (SN: 37959)	Cái	1	- Kiểm tra độ sáng, kiểm tra trơn tru của vít chỉnh tiêu, bàn sa mẫu, trục quay. - So sánh với thước chuẩn	1	XN - KV2	cơ sở 9	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
130	TS00124	Tủ an toàn sinh học cấp II (10505530)	Cái	1	- Kiểm tra cơ khí (cửa trượt, hệ thống lò xo, khung đỡ) - Đo tốc độ gió, áp suất, tiếng ồn, ánh sáng. - Kiểm tra lọc HEPA. - Kiểm tra và thay thế đèn UV, đèn chiếu sáng nếu cần.	1	XN - KV2	cơ sở 10	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
131	TS00567	Máy phun cộng đồng London Fog	Cái	2	- Thay nhớt, lọc nhớt - Kiểm tra hoạt động, vận hành của máy: hệ thống điện, hệ thống phun hóa chất - Vệ sinh: buồng đốt, lọc gió, ngoại thất, …	1	PC BTN CT	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
132	TS02235 TS02236	Máy phun ULV đeo vai bằng Pin DC Lithium	Cái	2	- Kiểm tra vận hành - Kiểm tra chất lượng pin - Vệ sinh máy	1	PC BTN CT	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
133	TS02237 TS02238	Máy phun ULV STIHL	Cái	2	- Kiểm tra vận hành - Vệ sinh bugi, buồng đốt, ngoại thất máy, …	1	PC BTN CT	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
134	CCDC	Maruyama	Cái	1	- Kiểm tra vận hành - Vệ sinh bugi, buồng đốt, ngoại thất máy, …	1	PC BTN CT	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
135	TS01746 TS01747 TS01748	SUPERHAWK XP	Cái	3	- Kiểm tra vận hành - Vệ sinh bugi, buồng đốt, ngoại thất máy, …	1	PC BTN CT	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm

STT	Mã tài sản	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị	Thông số thực hiện bảo trì	Số lần thực hiện	Khoa/Bộ phận sử dụng	Địa điểm thực hiện dự kiến (*)	Nguồn kinh phí chương trình
136	TS01494	FALCON	Cái	1	- Kiểm tra vận hành - Vệ sinh bugi, buồng đốt, ngoại thất máy, …	1	PC BTN CT	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
137	TS01492	VECTOR FOG	Cái	1	- Kiểm tra vận hành - Vệ sinh bugi, buồng đốt, ngoại thất máy, …	1	PC BTN CT	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
138	TS01482 TS01483	Máy phun công suất lớn TiFa	Cái	2	- Thay nhớt, lọc nhớt - Kiểm tra hoạt động, vận hành của máy: hệ thống điện, hệ thống phun hóa chất - Vệ sinh: buồng đốt, lọc gió, ngoại thất, …	1	PC BTN CT	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
139	TS01763	Bàn nâng thủy lực bằng tay	Cái	1	- Kiểm tra dầu thủy lực - Bôi trơn các chi tiết vận hành	1	PC BTN CT	cơ sở 2	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
140	TS01262	Thiết bị cảnh báo nhiệt độ	hệ thống	2	Bảo trì, Vệ sinh tổng thể, kiểm tra toàn diện thiết bị.	2	D-TBYT	cơ sở 2	Tiêm chủng mở rộng
141	TS01306	Buồng lạnh Technoblok	Cái	1	Bảo trì, Vệ sinh tổng thể, kiểm tra toàn diện thiết bị, kiểm tra độ rò rỉ khí gas, đánh giá độ đồng đều nhiệt	2	D-TBYT	cơ sở 2	Tiêm chủng mở rộng
142	02.B.TB.0011	Tủ lạnh Dometic TCW 1152	Cái	1	Bảo trì, Vệ sinh tổng thể, kiểm tra toàn diện thiết bị, kiểm tra độ rò rỉ khí gas, đánh giá độ đồng đều nhiệt	2	D-TBYT	cơ sở 2	Tiêm chủng mở rộng
143	02.B.TB0005	Tủ lạnh Dometic TCW 3000	Cái	1	Bảo trì, Vệ sinh tổng thể, kiểm tra toàn diện thiết bị, kiểm tra độ rò rỉ khí gas, đánh giá độ đồng đều nhiệt	2	D-TBYT	cơ sở 2	Tiêm chủng mở rộng
144	TS01045	Tủ lạnh Dometic TFW 800	Cái	1	Bảo trì, Vệ sinh tổng thể, kiểm tra toàn diện thiết bị, kiểm tra độ rò rỉ khí gas, đánh giá độ đồng đều nhiệt	2	D-TBYT	cơ sở 2	Tiêm chủng mở rộng
145	TS02330 TS02331 TS02335	Tủ lạnhTCW 4000AC	Cái	3	Bảo trì, Vệ sinh tổng thể, kiểm tra toàn diện thiết bị, kiểm tra độ rò rỉ khí gas, đánh giá độ đồng đều nhiệt	2	D-TBYT	cơ sở 2	Tiêm chủng mở rộng
146	02.B.TB0004	Tủ lạnhTCW 3000AC	Cái	1	Bảo trì, Vệ sinh tổng thể, kiểm tra toàn diện thiết bị, kiểm tra độ rò rỉ khí gas, đánh giá độ đồng đều nhiệt	2	D-TBYT	cơ sở 2	Tiêm chủng mở rộng

STT	Mã tài sản	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị	Thông số thực hiện bảo trì	Số lần thực hiện	Khoa/Bộ phận sử dụng	Địa điểm thực hiện dự kiến (*)	Nguồn kinh phí chương trình
147	TS02337	Tủ lạnhTCW 80AC	Cái	1	Bảo trì, Vệ sinh tổng thể, kiểm tra toàn diện thiết bị, kiểm tra độ rò rỉ khí gas, đánh giá độ đồng đều nhiệt	2	D-TBYT	cơ sở 2	Tiêm chủng mở rộng
148	TS02401	Tủ lạnhMF 314	Cái	1	Bảo trì, Vệ sinh tổng thể, kiểm tra toàn diện thiết bị, kiểm tra độ rò rỉ khí gas, đánh giá độ đồng đều nhiệt	2	D-TBYT	cơ sở 2	Tiêm chủng mở rộng
149	TS02259 TS02260 TS02261 TS02262 TS02263 TS02264 và 05 tủ chưa có mã TSCĐ	Tủ lạnh TCW4000AC	Cái	11	Bảo trì, Vệ sinh tổng thể, kiểm tra toàn diện thiết bị, kiểm tra độ rò rỉ khí gas, đánh giá độ đồng đều nhiệt	1	D-TBYT	cơ sở 9	Tiêm chủng mở rộng
150	Chưa có mã TSCĐ	Tủ lạnh MF314	Cái	1	Bảo trì, Vệ sinh tổng thể, kiểm tra toàn diện thiết bị, kiểm tra độ rò rỉ khí gas, đánh giá độ đồng đều nhiệt	1	D-TBYT	cơ sở 9	Tiêm chủng mở rộng
151	Chưa có mã TSCĐ	Tủ lạnh Dometic TFW 800	Cái	1	Bảo trì, Vệ sinh tổng thể, kiểm tra toàn diện thiết bị, kiểm tra độ rò rỉ khí gas, đánh giá độ đồng đều nhiệt	1	D-TBYT	cơ sở 9	Tiêm chủng mở rộng
152	TS00362 TS00363 TS00364 TS00365 TS00366 TS00367	Tủ lạnh Dometic TCW 3000	Cái	6	Bảo trì, Vệ sinh tổng thể, kiểm tra toàn diện thiết bị, kiểm tra độ rò rỉ khí gas, đánh giá độ đồng đều nhiệt	2	D-TBYT	cơ sở 6	Tiêm chủng mở rộng
153	Chưa có mã TSCĐ	Tủ lạnh TCW 4000AC	Cái	5	Bảo trì, Vệ sinh tổng thể, kiểm tra toàn diện thiết bị, kiểm tra độ rò rỉ khí gas, đánh giá độ đồng đều nhiệt	2	D-TBYT	cơ sở 6	Tiêm chủng mở rộng
154	TS00981	Tủ lạnh TCW 3000AC	Cái	1	Bảo trì, Vệ sinh tổng thể, kiểm tra toàn diện thiết bị, kiểm tra độ rò rỉ khí gas, đánh giá độ đồng đều nhiệt	2	D-TBYT	cơ sở 6	Tiêm chủng mở rộng

STT	Mã tài sản	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị	Thông số thực hiện bảo trì	Số lần thực hiện	Khoa/Bộ phận sử dụng	Địa điểm thực hiện dự kiến (*)	Nguồn kinh phí chương trình
155	TS02274	Tủ lạnh TCW 80AC	Cái	1	Bảo trì, Vệ sinh tổng thể, kiểm tra toàn diện thiết bị, kiểm tra độ rò rỉ khí gas, đánh giá độ đồng đều nhiệt	2	D-TBYT	cơ sở 6	Tiêm chủng mở rộng
156	TS02297	Tủ lạnh MF 314	Cái	1	Bảo trì, Vệ sinh tổng thể, kiểm tra toàn diện thiết bị, kiểm tra độ rò rỉ khí gas, đánh giá độ đồng đều nhiệt	2	D-TBYT	cơ sở 6	Tiêm chủng mở rộng
Tổng cộng: 156 khoản									
Số tiền: 222.600.000 VNĐ (bằng chữ: Hai trăm hai mươi hai triệu, sáu trăm nghìn đồng)									

**** Địa điểm thực hiện dự kiến:***

Cơ sở 2 *699 Trần Hưng Đạo, phường Chợ Quán, Thành phố Hồ Chí Minh.*
Cơ sở 3 *957 Ba Tháng Hai, phường Minh Phụng, Thành phố Hồ Chí Minh.*
Cơ sở 6 *19 Phạm Ngọc Thạch, phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.*
Cơ sở 9 *535/6, Lê Hồng Phong, tổ 1-3, Khu phố 3, phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh.*
Cơ sở 10 *209 Yersin, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh.*